Biểu mẫu 06

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
TRƯỜNG TH, THCS & THPT VĂN LANG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	790	170	166	138	142	174
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	790	170	166	138	142	174

III. Số học sinh chia theo năng lực
(Theo cấp học; KQ từng khối lớp theo file đính kèm)

HS K 4, 5: Đánh giá theo TT22 (316 học sinh)

Năng lực	**Tốt** (SL HS, tỷ lệ %)	**Đạt** (SL HS, tỷ lệ %)	**Cần cố gắng** (SL HS, tỷ lệ %)
Tự phục vụ, tự quản	236 = 74.7%	80 = 25.3%	0
Hợp tác	288 = 91.1%	28 = 8.9%	0
Tự học và giải quyết vấn đề	232 = 73.4%	84 = 26.6%	0

HS K1, 2, 3: Đánh giá theo TT27 (474 học sinh)

Năng lực	**Tốt** (SL HS, tỷ lệ %)	**Đạt** (SL HS, tỷ lệ %)	**Cần cố gắng** (SL HS, tỷ lệ %)
Tự chủ & tự học	382 = 80.6%	92 = 19.4%	0
Giao tiếp & hợp tác	409 = 86.3%	65 = 13.7%	0
Giải quyết VĐ & sáng tạo	375 = 79.1%	99 = 20.9%	0
Ngôn ngữ	410 = 86.5%	64 = 13.5%	0
Tính toán	407 = 85.9%	67 = 14.1%	0
Khoa học	422 = 89.0%	52 = 11%	0
Thẩm mỹ	408 = 86.1%	66 = 13.9%	0
Thể chất	422 = 89.0%	52 = 11%	0

IV. Số học sinh chia theo phẩm chất
(Theo cấp học; KQ từng khối lớp theo file đính kèm)

HS K 4, 5: Đánh giá theo TT22 (316 học sinh)

Phẩm chất	**Tốt** (SL HS, tỷ lệ %)	**Đạt** (SL HS, tỷ lệ %)	**Cần cố gắng** (SL HS, tỷ lệ %)
Chăm học, chăm làm	234 = 74.1%	82 = 25.9%	0
Tự tin, trách nhiệm	266 = 84.2%	50 = 15.8%	0
Trung thực, kỉ luật	269 = 85.1%	47 = 14.9%	0
Đoàn kết, yêu thương	305 = 96.5%	11 = 3.5%	0

HS K1, 2, 3: Đánh giá theo TT27 (474 học sinh)

Phẩm chất	Tốt (SL HS, tỷ lệ %)	Đạt (SL HS, tỷ lệ %)	Cần cố gắng (SL HS, tỷ lệ %)
Yêu nước	457 = 96.4%	17 = 3.6%	0
Nhân ái	455 = 96 %	19 = 4%	0
Chăm chỉ	377 = 79.5%	97 = 20.5%	0
Trung thực	445 = 93.9%	29 = 6.1%	0
Trách nhiệm	398 = 84%	76 = 16%	0

V. Kết quả các môn học (Theo cấp học; KQ từng khối lớp theo file đính kèm)			
Môn học	**Hoàn thành Tốt** (Số lượng/tổng số HS)	**Hoàn thành** (Số lượng/tổng số HS)	**Chưa hoàn thành** (Số lượng/tổng số HS)
Tiếng Việt	609/790	181/790	0
Toán	650/790	140/790	0
Đạo đức	653/790	137/790	0
TNXH	395/474	79/474	0
Khoa học	279/316	37/316	0
Lịch sử và Địa lí	278/316	38/316	0
Âm nhạc	661/790	129/790	0
Mĩ thuật	639/790	151/790	0
Kĩ thuật	258/316	58/316	0
Thể dục	656/790	134/790	0
Tiếng Anh	577/790	213/790	0
Tin/Tin học và Công nghệ	657/790	133/790	0
HĐ Trải nghiệm	401/474	73/474	0

VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	Tổng	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	100	100
a	*Trong đó:* *HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)*	71.8	63.5	61.4	62.3	83.8	87.4
b	*HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)*						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0

Hạ Long, ngày 03 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Người ký: Hoàng Thị Kim Khánh
Email: hoangthikimkhanh.c3vanlang@quangninh.edu.vn
Cơ quan: Trung học phổ thông Văn Lang, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh Quảng Ninh

Hoàng Thị Kim Khánh